

# Nhà phù thủy với chiếc đũa thần văn tế:

## Đặng Đức Siêu.

Đặng Đức Siêu 鄧 德 超 (1751-1810) trước tên là Đặng Đức Chiêu 招, người huyện Bồng Sơn (Bình Định) lúc nhỏ trọ học ở huyện Hương Trà (Thừa Thiên). Năm 1766, lúc 16 tuổi ông thi đậu Hương Tiến (Cử nhân) và được Chúa Duệ Tông (1765 - 1777) bổ làm quan ở viện hàn lâm.

Về sau khi Tây Sơn nổi lên, binh họ Trịnh tiến chiếm Thuận Hóa, ông vào Long Hồ ở ẩn, mở trường dạy học và viết sách. Họ Trịnh, Tây Sơn nghe tiếng đều có mời, nhưng ông không nhận.

Năm 1798 ông theo <sup>(1)</sup> giúp Nguyễn Vương và dâng bài “*Bình Tây phương lược* 平西方略”

---

<sup>1</sup> Lúc này Đặng Đức Siêu vẫn còn ở Long Hồ, tức là Vĩnh Long ngày nay và Nguyễn Vương còn đang quanh quẩn ở các tỉnh chung quanh. Tác giả “*Văn học Việt Nam*” viết: “Ông

có nhiều ý kiến xác đáng nên được tin dùng, lần lần lên đến chức “*Trung Doanh tham mưu*”, cạnh bên Nguyễn Vương để hiến kế và soạn thảo thơ từ, công văn.

Khi đại định ông được bổ làm quan ở triều, năm 1809 được giữ chức Thượng Thư (Bộ Lễ).

Năm sau ông mất được tặng chức Tham Chánh. Con (<sup>1</sup>) là Đặng Đức Chiêm sau này làm đến Tổng Đốc (Hải Dương). Tác phẩm của ông gồm:

- Thương Sơn tứ hiệu (hạ)

- Trương Lương trùy.

- Tô Vũ tiết (<sup>2</sup>).

- Sắc văn phong **đức** cho Bá Đa Lộc tước Thái Tử Thái Phó Bi Nhu Quận Công (<sup>3</sup>)

---

đáp thuyền vào Nam phò tá Nguyễn Vương” (trang 673) có lẽ căn cứ trên một tài liệu khác.

<sup>1</sup> Hai tác giả Lam Giang, Vũ Ngọc Nhã - “*Đặng Đức Tuấn tinh hoa công giáo ái quốc Việt Nam*” - Tgxb Saigon 1970, trang 12, cho biết cháu 4 đời của Đặng Đức Siêu là Linh Mục Đặng Đức Tuấn đã sáng tác nhiều bài thơ ái quốc và nhiều tác phẩm có liên quan đến đạo Thiên Chúa.

<sup>2</sup> Ba tác phẩm này chúng tôi chưa được may mắn tìm thấy nên ghi lại theo Trần Văn Giáp - “*Tiểu sử các tác giả Việt Nam*” quyển I.

<sup>3</sup> Sắc văn này đề năm Cảnh Hưng lục thập niên, thập nhất nguyệt, thập nhị nhật (1799) nguyên văn chữ Hán.

- Văn tế Bá Đa Lộc (2 bài) <sup>(1)</sup>
- Văn tế Võ Tánh và Ngô Tùng Châu <sup>(2)</sup>
- Đạo dụ của Nguyễn Vương ngày 26 tháng 3 năm Canh Thân, 1800 (tồn nghi) <sup>(3)</sup>.
- Văn tế Châu Văn Tiếp <sup>(1)</sup>

Các ông Lam Giang ...Sđđ, trang 177 gọi bằng danh từ không được đúng *văn tế* và còn được đưa ra một bản dịch quốc ngữ, chúng tôi chưa thấy tài liệu nào khác xác nhận nên không để bản dịch vào loại tác phẩm của Đặng Đức Siêu.

<sup>1</sup> Bá Đa Lộc tên thật Pierre Joseph Georges Pigneau (de Béhaine) sanh ngày 2 - 11 - 1741 ở Aisene (Pháp) chết ngày Kỷ Vị (9 - 10 - 1799) ở Mỹ Cang (gần Qui Nhơn), lễ an táng ở Saigon; nhân dịp này Đặng Đức Siêu có làm 2 bài văn tế bằng quốc âm một để Nguyễn Vương đọc, một cho Hoàng Tử Cảnh đọc.

<sup>2</sup> Chúng tôi theo nhan đề thông dụng ; đúng ra phải gọi “Văn tế Phò Mã Chương Hậu Quân Võ Tánh và Lễ Bộ Thượng Thơ Ngô Tùng Châu”. Bài này được đọc trong buổi lễ khánh thành đền thờ hai ông ở thành Bình Định cũ. Tác giả VHVN chép, trang 726, “Vua sai Lễ Bộ Thượng Thơ Đặng Đức Siêu làm”, chúng tôi nghĩ tài liệu này không chính xác vì Đặng Đức Siêu giữ chức vụ trên vào năm 1809.

<sup>3</sup> Bài này bằng quốc âm do An Khê sao lục và đăng trong “Nam Phong tạp chí” tập XIV, số 80, tháng 1 - 1921, không đề tác giả; Dương Quảng Hàm trích lại trong VNVHSY bản TTHL, in lần thứ 10, trang 76 - 78. Căn cứ trên cách sử dụng tài tình câu gỏi hạc, giọng văn chài chuốt, dễ gây xúc cảm, chữ dùng quen thuộc với bài văn tế do Đặng Đức Siêu viết và địa vị của ông đối với Nguyễn Vương, chúng tôi ngờ bài này do ông viết.

- Hồi loan cử ca khúc (2).

## I. TƯ TƯỞNG

Tư tưởng của Đặng Đức Siêu là công việc khó khăn và không chính xác. Khó khăn vì với khung cảnh để đọc bài văn tế người viết không thể giải bày tư tưởng của mình ngoài việc ghi lại lòng tiếc thương, nhắc lại một hoạt động, đề cao công đức của người đã khuất. Không chính xác vì những ý tưởng gợi ra trong bài văn tế thuộc về người đứng đọc chứ không thể coi như thuộc về người viết. Tuy nhiên chúng ta cũng thấy được một vài điểm trong tư tưởng của họ Đặng qua các tác phẩm của ông .

1. Đặng Đức Siêu người mong gặp chân chúa.

Đặng Đức Siêu chôn vùi cuộc đời mình khoảng hai mươi năm ở Long Hồ một phần vì muốn an thân trước cảnh can qua, một phần vì

---

<sup>1</sup> Châu Văn Tiếp (1738 - 1784), cùng với Đỗ Thanh Nhơn (? - 1801), Võ Tánh (? - 1801) được người đời gọi là Gia Định tam hùng, theo Nguyễn Ánh chống nhau với Tây Sơn, bị chết trận trong cuộc thủy chiến trên rạch Mân Thít (Sa Đéc) ngày 13 - 10 năm Giáp Thìn (1784). Vào cuối năm 1802, sau khi đại định Gia Long ra lệnh cải táng và khiến Đặng Đức Siêu làm bài văn tế này.

<sup>2</sup> Nhan đề này theo Trần Văn Giáp - Sđđ. Bài này nhiều người nói nhan đề khác: Dương Quảng Hàm - VNVHSY, trang 321 ghi “*Hồi loan khai ca*”: VHVN trang 674 ghi “*Hồi loan cử ca khúc*”.

không muốn ra giúp các phe phái mà ông nghĩ rằng không đại diện cho chánh nghĩa. Có thể ông câu nệ, có thể ông không có nhãn quan tiến bộ để xác định giá trị của người anh hùng áo vải Nguyễn Huệ, nhưng ta phải công nhận ông kiên nhẫn và quyết tâm chờ đợi người để đặt kỳ vọng. Trong thời gian này ông đã sáng tác nên những tác phẩm có tính cách triết học và bày tỏ ý chờ thời của mình:

- *Thương Sơn tứ hiệu.*

- *Trương Lương trùy.*

- *Tô Vũ tiết.*

Các tác phẩm này, theo nhan đề, có thể giúp ta suy đoán được một cách đại cương ý định muốn ở ẩn và quan niệm của tác giả đối với cuộc đời. Tuy nhiên, ngày nay qua một bài thơ Nôm chỉ còn sót lại sáu câu nhan đề: “*Tối ba mươi Tết*” ta cũng có thể biết được phần nào tâm sự của ông: một người chán nản vì sự rắc rối nhiều khê của cuộc đời, luôn luôn hoài vọng những chuyện cũ, nhớ tiếc ngày xưa, buồn nản cảnh hiện tại, mơ tưởng lúc gặp người tài đức:

*“Tháng lụn năm cùng sự chẳng cùng,*

*Nửa đêm Xuân lại nửa đêm Đông.*

*Chi lan tiệp cũ hương man mác*

*Đào lý vườn Xuân tuyết lạnh lòng .*

... ..

*Gà kêu, pháo nổ năm canh trót,*

*Mừng tưởng mai đà gặp Chúa Đông (1) “*

Bài thơ toát ra một vẻ man mác buồn; tác giả đối chiếu cảnh cũ đây không khí tươi vui và cảnh trước mắt bao trùm sự lãnh đạm, ơ thờ của ngoại vật.

Hai câu kết bộc lộ nỗi chán chường, thất vọng: Pháo nổ nhưng mùa Đông chưa qua hết mùa Xuân vẫn chưa đến. Cũng như ông chờ chân chúa suốt một khoảng thời gian dài bây giờ vẫn chưa được gặp.

2. Đặng Đức Siêu, người chủ trương giữ trung cùng chúa.

Tìm được người “xứng đáng” để phục vụ Đặng Đức Siêu như tất cả công thần khác thời phong kiến, hết lòng phò tá. Ông cho hành động đó như sự thể hiện lý tưởng nhứt của đạo trung. Nếu chẳng may gặp vận bất, người bầy tôi có thể hủy mạng sống của mình, nhưng không thể mất nghĩa khí đối với vua chúa. Lòng trung này ông ví như vẻ trắng đẹp của ngọc, dầu tan vẫn còn, tiết thẳng ngay của trúc dầu cháy vẫn giữ. Bài “*Văn Tế Võ Tánh và Ngô Tùng Châu*” ông nhập đề bằng ý tưởng trung quân theo quan niệm Khổng Mạnh đó:

*“Đạo thần tử hết lòng phò chúa, gian nan từng giải (1) dạ trung trinh;*

---

<sup>1</sup> Văn Đàn Bảo Giám, bản in Mặc Lâm - Quyển I trang 20.

*Đấng anh hùng vì nước quyền sinh (2), diên  
bái (3) chẳng sai lòng tiết nghĩa.*

*Ngọc dầu tan vẻ trắng nào phai;  
Trúc dẫu cháy tiết ngay vẫn để”.*

Tư tưởng trung quân tuyệt đối này đóng vai trò chất men tạo sức mạnh cho người bấy tôi; ở giai đoạn phân tranh, tinh thần đó góp phần tạo nên sự khốc hại cho tình trạng qua phân vì mọi người đều hết lòng với vị chúa của mình.

Do đó chúng tôi cho rằng về tư tưởng trung quân, Đặng Đức Siêu chưa đưa ra được điều gì mới lạ, cấp tiến hơn những nguyên tắc đặt ra tự ngàn xưa.

3. Đặng Đức Siêu, người tiếc thương anh hùng sớm khuất.

Cùng theo nghiệp binh nhưng, cùng phụng thờ một chúa, những ai may mắn sống sót đến ngày thành công đương nhiên xót xa thương tiếc người đồng lao cộng khổ với mình bây giờ đã mất; xót xa vì họ có công không hưởng, thương tiếc vì đất nước mất đi những nhân tài, những người trí dũng. Phần cuối bài “*Văn tế Võ Tánh và Ngô Tùng*

---

<sup>1</sup> Giải: trải ra, phơi bày, biểu lộ rõ ràng, theo nghĩa đó chúng tôi viết giải (dầu ngã) thay vì giải như phần đông các bản cũ.

<sup>2</sup> Quyền sinh: Chỉ hành động của Võ Tánh và Ngô Tùng Châu khi thành Qui Nhơn sắp mất.

<sup>3</sup> Diên bái: thời đảo lộn, giặc giã.

Châu”, Đặng Đức Siêu đã diễn tả lòng thương tưởng vừa có tình chất nhân bản vừa có tính chất quốc gia:

*“Cơ dăng định (<sup>1</sup>) kíp chầy đành hẹn buổi,  
xót tướng doanh sao vắng mặt thân huân (<sup>2</sup>);*

*Phận truy tùy gang tác cũng đền công, tiếc  
nhung mạc bỗng thiệt tay trung trí “*

ii. Văn tài.

Nếu vì loạn lạc, chiến tranh sách vở bị mất mát, ta không may mắn tìm hiểu được căn kẽ tư tưởng của Đặng Đức Siêu, ta lại hân hạnh nhìn thấy văn tài của ông qua những bài văn tế nổi tiếng còn lại. Văn tài đó đem tác giả lên tuyệt đỉnh vinh quang của người viết văn tế đồng thời chứng tỏ khả năng gợi cảm vô cùng của ngôn ngữ Việt Nam.

1. Sử dụng giọng văn thống thiết phù hợp với hoàn cảnh.

Văn tế dùng đọc trong đám tang, trong lễ truy điệu để tỏ lòng cảm mến của người tế với người được tế, do đó tính chất bi thiết giữ vai trò căn bản. Mức thành công của một bài văn phần nhiều tùy thuộc ở khả năng gây xúc động. Đặng Đức Siêu đã sử dụng được một bút pháp tài tình bằng sự điều

---

<sup>1</sup> Dăng định: dẹp yên hết tất cả giặc giã, lộn xôn.

<sup>2</sup> Thân huân: Thân: có họ hàng liên hệ với cua, chỉ phò mã Võ Tánh (được Nguyễn Ánh gả em gái là Ngọc Dụ Công chúa); huân: người có công trận, chỉ Ngô Tùng Châu.

hợp kỳ ảo giữa phần âm điệu lâm ly và tính chất thể lương, réo rắt của ngôn từ, tạo một tâm trạng man mác buồn cho người nghe cũng như người đọc.

\* Bài “*Văn tế Võ Tánh và Ngô Tùng Châu*”.

“*Tiếng hiệu lệnh mơ màng trước gió, ân tín xưa người bộ khúc<sup>(1)</sup> thương tâm;*

*Bóng trung tinh thấp thoáng dưới đèn, phong nghi cũ kẻ liêu bằng sái lệ<sup>(2)</sup>”.*

\* Bài “*Văn tế Bá Đa Lộc, viết hộ Nguyễn Vương*”:

“*Êm giấc hòe, hồn đó thanh thanh;*  
*Nhớ ơn trước, sâu đây triều triệu!”*

\* Bài “*Văn tế Châu Văn Tiếp*”:

“*Vạc Hạ Võ mùi canh còn lạt, lòng những tưởng cậy sức diêm mai;*

*Tiệc trung hưng cuộc rượu đang gầy, trời nở khiến lia tay khúc nhiệt.*

*Phong quang này ai chẳng ngậm ngùi;*  
*Cơ hội ấy nghĩ càng thương tiếc!”*

Nhiều khi cần tạo một sự xúc động cực đại để chứng tỏ tình thương vô bờ của người đối với người chết, Đặng Đức Siêu có cách cấu tạo câu văn đặc biệt: dùng câu song quan ngắn gọn với

---

<sup>1</sup> Người bộ khúc: tướng sĩ ba quân thuộc quyền.

<sup>2</sup> Kẻ liêu bằng sái lệ: bạn bè cùng triều đều sa nước mắt.

những âm thanh áo nã, đọc lên nghe như những tiếng khóc đứt đoạn, xụt xùi:

\* Bài “*Văn tế Bá Đa Lộc, viết hộ Nguyễn Vương*”:

“*Mấy thu trấn biên thành Diên Khánh (1), tặc đảng đều mất vía kinh hồn;*

*Một trận hàng hiểm địa Qui Nhơn (2), cố nhơn sớm phân bào chia áo.*

*Ôi!*

*Núi Nhạc về thân;*

*Trời Nam để dấu!*

*Giọt đồng long ô yết dễ đoanh;*

*Lệ lạt chúc xụt xùi khôn ráo!”*

\* Bài “*văn tế Bá Đa Lộc, viết hộ Hoàng tử Cảnh*”:

“*Công nặng đó của thêm nặng đó, ngàn vàng chưa dễ đền bồi;*

*Còn tưởng nhau chết cũng tưởng nhau, trăm thuở hã còn ghi tạc”.*

---

<sup>1</sup> *Mấy thu trấn biên thành Diên Khánh*: Sau khi lấy thành Diên Khánh, Nguyễn Vương giao cho Võ Văn Lượng và Hoàng Tử Cảnh trấn giữ, Bá Đa Lộc cũng ở đây giúp sức; tháng 3 năm 1794, tướng Tây Sơn là Nguyễn Văn Hưng đến vây, chính Bá Đa Lộc nhiều lần cầm quân chống giữ.

<sup>2</sup> *Một trận hàng hiểm địa Qui Nhơn*: tháng 5 năm Kỷ Vị (1799) Nguyễn Vương vây thành Quy Nhơn, tướng giữ thành là Lê Văn Thanh chờ mãi mà không thấy quân cứu viện nên mở cửa đầu hàng. Cùng năm đó Bá Đa Lộc mất.

2. Ghi được nét đặc biệt về người chết bằng vài câu ngắn ngủi.

Bài văn tế còn khó ở chỗ phải viết sao cho khách bàng quan mặc dầu chưa biết ai được thế nhưng sau khi nghe đọc vài câu có thể đoán được tiểu sử, tài đức, sự liên hệ giữa người chết và người tế, tuy không nghe nhắc đến tên họ, chức vị.

Trong đoạn văn tế sau, đề ý đến những tiếng: nắm quyền ngoại tả, đeo ấn tướng quân, qua sông Lào, lên đất Sóc, tìm chúa cũ, mượn binh Xiêm ... Ta biết ngay người được tế là Châu Văn Tiếp.

*“Trong khuôn cứu nắm quyền ngoại tả,  
chống giềng trời cầm mối nước, son nhuộm tấm lòng;*

*Ngoài chiến chinh đeo ấn tướng quân, tru  
đảng ngụ diệt loài gian, máu dầm mũi bạc <sup>(1)</sup>*

*Đường thượng đạo ải non lần lựa, qua sông  
Lào, lên đất Sóc, một mình trĩu trĩu gánh giang  
san.*

*Nẻo chiến cần sông núi gian nan, tìm chúa  
cũ, mượn binh Xiêm <sup>(2)</sup>, tám cõi nhơn nhơn oai tích  
lịch”.*

---

<sup>1</sup> Máu dầm mũi bạc: chỉ việc Châu Văn Tiếp chết vì một lưỡi gươm của Chương Tiễn Bảo, tướng Tây Sơn.

<sup>2</sup> Mượn binh Xiêm: Nguyễn Vương mượn 2 vạn quân Xiêm trở về Gia Định năm 1784, đi về đều có Châu Văn Tiếp.

Với bút pháp điêu luyện, trong bài “*Văn tế Võ Tánh và Ngô Tùng Châu*”, tác giả, mỗi câu nhắc đến một vài chi tiết đặc biệt khiến ta biết ngay câu nào chỉ Võ Tánh, câu nào nhắc đến Ngô Tùng Châu.

Chẳng hạn các câu sau nhờ những chữ: cầm bút, sánh duyên gác tía:

*“Phù vạc Hán thuở ngôi trời chéch lệch,  
chép gai đuổi lũ hung tàn;*

*Vót xe Đường khi thế nước chông chênh, cầm  
bút ra tài kinh tế.*

*Mối nghĩa sánh duyên gác tía, bước gian  
truân từng cây dạ khuông phù;*

*Màn kinh ra sức cung xanh, công mông  
dưỡng đã đành lòng ủy ký”.*

3. Ghi được khí tượng của người đọc và sự liên hệ với người được tế.

Văn tài của Đặng Đức Siêu còn tuyệt diệu hơn ở chỗ sáng tác nhân danh người khác nhưng đã đứng vào địa vị họ do đó tùy theo từng người bài văn bộc lộ một khí tượng, một ngôn ngữ riêng: ở bài “*văn tế Bá Đa Lộc viết hộ Nguyễn Vương*” giọng điệu biểu lộ cung cách vương giả, mặc dầu tình ý thông thiết với một người ơn, thân mật với một người bạn nhưng vẫn cao sang, trên trước; ở bài “*Văn tế Bá Đa Lộc, viết hộ Hoàng Tử Cảnh*” lời văn nhẹ nhàng thông thiết hơn, gần gũi hơn trong khi vẫn phô diễn được tình cảm của một

người học trò đối với bậc thầy. Cách viết này cho chúng ta biết phong nghi của người đọc đồng thời hiểu được sự liên hệ giữa người được tế và người đứng tế. Những câu sau trong bài viết hộ Nguyễn Vương, khí tượng vua chúa nằm ở cách xưng hô có vẻ quyền thế, cách biệt của những từ ngữ: ta, người, gã.

*“Thủa ta mới quyền trao nguyên súy, bạn tóc  
răng vui nghĩa sơ giao (1).;*

*Ngày người mới làm khách viễn phương (2),  
lòng vàng đá phỉ nguyên tương chiếu.*

*Công giáo dưỡng(3) mấy thu khăn khăn, phúc  
ta nhiều gân sánh Tam Vương(4);*

*Nghiệp tổ tông ngàn thuở miên miên, công gã  
giúp ngô toàn cứu miếu”.*

Trong khi bài viết hộ Hoàng Tử Cảnh ngôn từ lễ nghi xa cách mất hẳn, chỉ còn những từ ngữ gần gũi, những tình cảm thân mật, giọng điệu thân

---

<sup>1</sup> Năm 1777 Nguyễn Phúc Thuần bị quân Tây Sơn giết ở Cà Mau. Tân Chính Vương bị bắt ở Ba Vạt, tất cả quyền hành của Chúa Nguyễn đều về tay Nguyễn Ánh. Cùng năm này tháng 12 ông bị Nguyễn Lữ rượt chạy vào Hà Tiên phải chạy vào nhà dòng trú ẩn nơi đây ông gặp Bá Đa Lộc lần đầu tiên.

<sup>2</sup> Cuối tháng 12 - 1726 Bá Đa Lộc đến Việt Nam lần đầu tiên. (có lẽ 1762, vì ông này sinh năm 1741)

<sup>3</sup> Chỉ việc Nguyễn Vương giao Hoàng Tử Cảnh cho Bá Đa Lộc dạy bảo.

<sup>4</sup> Tam Vương: Vua Vũ nhà Hạ, Thành Thang nhà Thương, Văn Vương nhà Châu, ba người khai quốc. Nguyễn Ánh tự ví với những vị khai quốc lập nghiệp.

thiết nhún nhường phù hợp với cách nói của người dưới đối với người trên: ai, kẻ, người, con trẻ, dạy, nghĩa:

*“Nào thừa nước Lang Sa, thành Vọng Các  
đường xa dặm thăm, mấy thu trời ai được gặp  
nhau;*

*Bây giờ miền âm giới cõi dương gian, kẻ mất  
người còn, ba tác đất mà không thấy mặt.*

*Đối con trẻ cho mà dạy đó, lối cổ nhân dẫu  
hãy rành rành;*

*Dứt nghĩa này chẳng gác về đâu, trông thiên  
giới gót đà phân phạt!”*

Đặng Đức Siêu, trong những tác phẩm đã mất, có thể có một vài ý tưởng đặc biệt nhưng vì thiếu tài liệu chúng ta chưa khám phá được điều gì thật quan trọng, đặc trưng.

Bù lại, qua những gì còn lại đến ngày nay, ta vẫn nhận chân được văn tài của ông: cho đến bây giờ khi nhắc đến Đặng Đức Siêu ai ai cũng coi ông như một cây bút có khả năng gây cảm xúc đặc biệt bằng những bài văn tế lâm ly, thông thiết, đó là chưa kể về phương diện lịch sử tác phẩm của ông cung cấp cho chúng ta một vài kiến thức lý thú về thời Nguyễn Vương chống nhau với Tây Sơn.

Nhưng bao nhiêu đó thôi thật quá ít và ta thậm tiếc cho một nhà văn tuy đầy đủ khả năng nhưng vì sanh nhầm thời chiến tranh nên phải sử

dụng ngòi bút trong một môi trường nghèo nàn, hạn hẹp không phát huy được đúng mức tài nghệ của mình.

## Phụ lục I

### VĂN TẾ BÁ ĐA LỘC (viết hộ Nguyễn Vương)

#### Đặng Đức Siêu

*Hỡi ơi!*

1. Người nước khác mà dạ lòng chẳng khác,  
công non sông thẽ lượ đương cày;

Ân nghĩa tròn mà báo đáp chưa tròn, đường  
sống thác sớm chầy khó liệu!

2. Êm giấc hòè, hồn đó thanh thanh;

Nhớ ơn trước, sâu đây triệu triệu!

3.Thủa ta mới trao quyền Nguyên Súy, bạn  
tóc răng vui nghĩa sơ giao;

Ngày người vừa làm khách viễn phương,  
lòng vàng đá phỉ nguyên tương chiếu.

4.Nghĩ lúc lưng gầy bước ngật, đình Nam  
Vang, bầu Tân Lữ, phiêu lưu cho khỏi kẻ bạo tàn;

Tương khi mặt ủ gan phiền, trời cố quốc, bến  
Hậu Giang, tìm hỏi chẳng từ nơi hiểm yếu.

5.Cực đến nỗi cha con khôn giữ, gởi gia nhi,  
trao quốc bảo, trời Tây phương muôn học ai hoài;

May vừa đầu nhà nước mới về, đưa ấu tử, cầu  
lương bằng, đất Đông Phố một đoàn vinh hảo.

6. Công giáo dưỡng mấy thu khăn khăn,  
phước ta nhiều gần sánh Tam Vương;

Nghiệp tổ công nghìn thưở miên miên, công  
gã giúp ngõ toàn cửu miếu ...

7.Đạo Tây Vực một niềm riêng giữ, chẳng  
cậy ai quốc tử hoàng tôn;

Nạn Nam bang trăm chước mưu lo, dựa thể  
sức mưu mâu chước diệu.

8. Nhà Thái học chia ngôi tây tịch, trải tín  
thành đôi buổi huân đào;

Dặm cô thành hộ giá Đông Cung, thêm khăng  
khái mấy lần thượng biểu.

9. Mưu tế quốc kinh luân dạ đồ, từng hay liệu địch chia đồn;

Phép dùng binh thao lược mắt tường, chi quân xông tên đụt pháo.

10. Chế hỏa xa, bày trái phá, dẹp loài loạn tặc thừa long đong;

Đoạn thiết tử, tán hoa ngân, giúp vận nước nhà khi thốn thiếu.

11. Ân nặng đó mười phần công của, trước sau trọn nghĩa tiên thi;

Lẽ cùng ta ngàn thừa tôn vinh, đây đó phi nguyên hậu báo.

12. Mấy thu trấn biên thành Diên Khánh, tặc đảng đều mất vía kinh hồn;

Một trận hàng hiểm địa Qui Nhơn, cố nhơn sớm phân bào chia áo.

*Ôi!*

13. Núi Nhạc về thân;

Trời Nam để dấu.

14. Giọt đồng long ô yết dễ doanh;

Lụy lạp chúc xựt xùi khôn ráo!

15. Trăng tối chợt ngờ nhan sắc, mở rèm đợi khách gia tân;

Mây chiều ngấm tưởng phong nghi, thiết ý  
mong người cố lão.

16. Chữ “Đạo đồng sinh, dưỡng” chế tâm tang  
con chút đáp ân:

Câu “Vinh cập một, tồn” tặng thái phó ta đưa  
tình thảo.

17. Theo ý chúng, dãi nghi ngoại quốc, cuộc  
tổng chung xác cát hồn cầu;

Hết lòng thành, lấy lễ Trung Hoa, cơn tử biệt  
bài văn lễ điệu.

18. Trước sông đã suy tình bằng hữu, lòng  
thành lo sự nghiệp trung hưng;

Nay thác rồi nhớ nghĩa quân thân, linh xin  
giúp cơ đồ tái tạo.

Hỡi ơi! Thương thay!

Hỡi ơi! Tiếc thay!

(Theo Tri Tân tạp chí và Việt Âm văn  
uyển)

## Phụ Lục II.

# VĂN TẾ BÁ ĐA LỘC

(viết hộ Đông Cung Cảnh)

## Đặng Đức Siêu.

*Hỡi ơi!*

Mấy năm dư tri ngộ, tính chữa rồi trong cuộc  
chinh tru;

Năm mươi lẻ xuân thu, sao vội rẽ ngoài vòng  
cực lạc ?

Tục người khác mà tấm lòng chẳng khác,  
chia vàng đã rõ bạn tương tri;

Thù nước riêng mà tác dạ chẳng riêng, rèn đá  
quyết vá trời Việt quốc.

Ngõ thấy nhà Lưu vận ách, đất Hứa Xương  
rộng rãi, đã khó khăn giặc quỷ Tào Man;

Tùng than thể Hán thiếu binh, nơi Tân Dã  
hẹp hòi, lại khôn dụng đồ chiêm Gia Cát.

Cùng thuyền bá việt, dùi dắt đưa lá ngọc cành vàng;

Kê nổi gian truân, nhục nhằn trái non xanh bển bạc.

Ra Thổ Châu, vào Phú Quốc, giặc sau lưng theo đuổi, cùng nhau hầu không chước giải nguy.

Đồ khôi phục, liệu tá binh, con dưới gói lia trao, muôn việc đã đành lòng ký thác.

.....

Ra công giúp của, khi loạn ly từng đỡ ngắt nước nhà;

Nổi gót di tai, việc triều chính đã in nhau gan mật.

Dải Diên Khánh bốn bề sa mạc, lòng bền dạ gắng; giúp Đông cung khỏe sức chống thành;

Thu Quy Nhơn một lũy Đồ Bàn, thẻ vận màn che, khiến Sơn tặc cúi đầu quay bước.

Ra Bến Đá đưa nên bệnh quý, bệnh lại thêm dữ nhật dữ tăng;

Về Kỳ Sơn cần chuộc thuốc tiên, thuốc khôn giúp tư nhân tư tật.

.....

Nào thừa nước Lang Sa, thành Vọng Các,  
đường xa dặm thăm, mấy năm trời ai được gặp  
nhau;

Bây giờ miền âm giới, cõi dương gian, kẻ  
mất người còn, ba tấc đất mà không thấy mặt!

.....

Đôi con trẻ cho mà dạy đó, lối cổ nhân đâu  
hãy rành rành;

Dứt nghĩa này chẳng gác về đâu, trông thiên  
giới gót đà phân phật!

Phân tâm chủ, xẻ chia hai ngã, bồi hồi xiết  
cạnh lòng đau;

Tả ân tình, lạo thảo một văn, điều tế tạm  
dùng lễ bạc.

Công nặng đó, của thêm nặng đó, ngàn vàng  
chưa dễ đền bồi;

Còn tưởng nhau chết cũng tưởng nhau trăm  
thử hãy còn ghi tạc.

Than ôi! Thương thay.

*(Theo Tri Tân tạp chí)*

## Phụ Lục III.

# VĂN TẾ CHÂU VĂN TIẾP

## Đặng Đức Siêu.

1. Vạc Hạ Võ mùi canh còn lạt, lòng những  
tưởng cậy sức diêm mai;

Tiệc trung hưng cuộc rượu đang gầy, trời nở  
khiến lia tay khúc nhiệt.

2. Phong quan này ai chẳng ngậm ngùi;

Cơ hội ấy nghĩ càng thương tiếc.

*Nhớ tướng quân xưa:*

3. Ngọc non Côn cấu khí tinh thành;

Vàng sông Lệ đúc lòng trung liệt.

4. Trong thành Mãng mong lòng bội ám, gói  
theo kiếm sương lạnh trời Tây;

Dưới cờ Lưu quyết chí đầu minh, gương  
trưng nghĩa bóng ngời nước Việt.

5. Nghìn dặm trải lá gan Dữ Nhượng, nghĩa  
vì quân đất võ trời gầy;

Trăm trận phơi đùm mật Tử Long, oai dẹp loạn sương sâu nắng thiết.

6. Trong khuôn cứu năm quyền ngoại tả, chống giềng trời, cầm mối nước, son nhuộm tấm lòng;

Ngoài chiến chinh đeo ấn tướng quân, tru đảng ngục, diệt loài gian, máu dầm mũi bạc.

7. Đường thượng đạo ải non lần lựa, qua sông Lào, lên đất Sóc, một mình triệu triệu gánh giang san;

Nẻo chiến cần sông núi gian nan, tìm chúa cũ, mượn binh Xiêm, tám cõi nhơn nhơn oai tích lịch.

8. Lướt sóng khua chèo Tổ Địch, đàm trung nguyên rửa sạch bọt trần ai;

Xây vai dựa gác Tử Nghi, niệm thiên địa chi dung loài tiếm thiết.

9. Lùng lẫy quyết lẫy đầu tặc tử, danh tôi còn ngõ được vuông tròn;

Rủi ro khôn dẹp máy binh cơ, sao tướng đã bóng đà lờ lệt.

10. Hội mây rồng nửa phút lữ làng.

Duyên tôi chúa trăm năm cách biệt.

11. Trời Thuận Hóa chăm nhận còn xao xác, tưởng cậy người cứu chúng lầm than;

Thành Quy Nhơn tiếng cáo chữa được an, không có người hầu ai đánh dẹp.

12. Dân đang trông, binh đang mển, trời đất sao phụ kẻ huân lao;

Trong chưa trị, ngoài chưa an, thời vận khiến hại người hào kiệt.

13. Đài hoa tượng đành rành còn để dấu, tượng hình dung lòng bất rã rời;

Bồ tâu công chồng lớp hãy ghi tên, mển công nghiệp lụy tuông lác đác.

14. Ngày muôn một tượng còn điêu bái, thân thì tạm gởi chốn long quang;

Mỗi ba quân nay đã tóm thâu, quan quách ngõ táng an mã hiệp.

Hỡi ơi! Thương Thay!

Phục duy thượng hưởng.

Châu Văn Tiếp (1738 - 1784) với Đỗ Thành Nhơn (? - 1781), Võ Tánh (? - 1801) được người đời gọi là Gia Định tam hùng, theo Nguyễn Ánh chống nhau với Tây Sơn, bị chết trận ở trên rạch Mân Thít, Vĩnh Long, ngày 13 - 10 năm Giáp Thìn (1784). Đặng Đức Siêu vâng lệnh vua Gia Long làm bài văn tế này khi cải táng ông vào khoảng cuối năm 1803. Cũng nên nói thêm, trong dân gian còn truyền tụng câu hò giao duyên như sau:

“ - Nghe anh lâu thông lịch sử  
Em xin hỏi thử đất Nam trung;  
Hỏi ai “Gia Định tam hùng”?  
Mà ai trọn nghĩa thủy chung một lòng.  
- Ông Tánh Ông Nhơn cùng ông Huỳnh Đức  
Ba ông hết sức phò nước một lòng  
Nổi danh Gia Định tam hùng ...”

Theo đó ông Đỗ Thành Nhơn được thay bằng ông Nguyễn Huỳnh Đức. Chúng tôi ngờ thuyết này và nghĩ câu hò trên được sáng tác để làm vừa lòng Gia Long (Đỗ Thành Nhơn bị giết vì Gia Long ngại thế lực của ông này).

## Phụ Lục IV.

# VĂN TÊ VÕ TÁNH VÀ NGÔ TÙNG CHÂU

*Than rằng:*

1. Đạo thần tử hết lòng thờ chúa, gian nan từng giải dạ trung trinh;

Đứng anh hùng vì nước quyên sinh, điên bái chẳng sai lòng tiết nghĩa.

2. Ngọc dầu tan vẻ trắng nào phai;

Trúc dẫu cháy tiết ngay vẫn đề.

*Nhớ hai người xưa:*

3. Thao lược ấy tài;

Kinh luân là chí.

4. Phù vạc Hán thừa ngôi trời chéch lệch, chém gai đuôi lũ hung tàn;

Vót xe Đường khi thể nước chông chênh, cầm bút ra tay kinh tế.

5. Mối nghĩa sánh duyên gác tía, bước gian truân từng cậy dạ khuông phù;

Màn kinh giúp sức cung xanh, công mông dưỡng đã đành lòng ủy ký.

6. Hậu Quân thừa giao quyền tứ trụ, chữ ân uy lớn nhỏ đều phụ;

Lễ Bộ phen làm việc chính khanh, bề trung ái sớm khuya chẳng trễ.

7. Ngoài cõi vượt nanh ra sức, chí tiêm cừu đành giải xuống ba quân.

Trong thành then khóa chia lo, lòng ưu quốc đã thâu lên chín bệ

8. Miền biên khôn hai năm chia sức giặc, vững lòng tôi bao quản thế nguy;

Cõi Phú Xuân một trận khét uy trời, nặng việc nước phải lấy mình làm nhẹ.

9. Sửa mũ áo lạy về Bắc khuyết, ngọn quang minh hun mát tấm trung can;

Chỉ non sông giã với cô thành, chén tân khổ nhấp ngon mùi chính khí.

10. Há rằng một phen thử thạch, giải trùng vi mà tìm tới quân vương.

Bởi vì thương muôn mạng tì hưu, thà nhất tử để cho tròn tướng sĩ.

11. Tiếng hiệu lệnh mơ màng trước gió, âm tín xưa người bộ khúc thương tâm;

Bóng tinh trung thấp thoáng dưới đèn, phong  
nghi cũ kẻ liêu bằng sái lệ.

12. Cơ đặng định kíp chầy đành hẹn buổi, xót  
tướng doanh sao vắng mặt thân huân;

Phận truy tùy gang tác cũng đèn công, tiếc  
nhung mạc bỗng thiệt tay trung trí.

13. Nay gặp tiết thu, bày tuần úy tế.

14. Hai chữ cương thường nghĩa nặng, rõ cồn  
hoa cũng thỏa chốn u minh;

Nghìn thu hà nhạc khí thiêng, sắp mao việt để  
mở nền bình trị.

*Hỡi ôi! Thượng hưởng!*